

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo (điều chỉnh)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-XHNV ngày 05 tháng 03 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3636/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công tác xã hội định hướng nghiên cứu, mã số ngành: 8760101

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công tác xã hội định hướng nghiên cứu ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho học viên từ khóa tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,

Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Tổ chức – Cán bộ, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Trưởng khoa Xã hội học và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Hoàng Anh Tuấn

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

ĐỊNH HƯỚNG: NGHIÊN CỨU
NGÀNH: CÔNG TÁC XÃ HỘI
MÃ SỐ : 8760101

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2916/QĐ-XHNV ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo:

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Công tác xã hội

+ Tiếng Anh: Social Work

- Mã số ngành đào tạo: 8760101

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Thời gian đào tạo: 2 năm

- Tên văn bằng tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Công tác xã hội

+ Tiếng Anh: The Degree of Master in Social Work

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo:

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ công tác xã hội nhằm trang bị kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến trong lĩnh vực công tác xã hội (CTXH) để người học làm chủ được kiến thức nghề nghiệp, nâng cao được khả năng nhận diện, phân tích, đánh giá toàn diện và đề xuất được giải pháp đối với các vấn đề xã hội đối của các cá nhân, nhóm, và cộng đồng. Người tốt nghiệp thạc sĩ công tác xã hội có năng lực nghiên cứu,

tổ chức, quản trị trong lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp công tác xã hội; đủ năng lực ngoại ngữ để truyền đạt và thảo luận về các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực CTXH; có khả năng phát triển nghề nghiệp nâng cao và đảm nhiệm các vị trí công việc quản lý, điều phối và chuyên gia độc lập.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- *Kiến thức:*

+ Củng cố, hoàn thiện và nâng cao tri thức triết học đã lĩnh hội ở bậc đào tạo đại học, từ đó có thể vận dụng tốt các nội dung thế giới quan và phương pháp luận triết học Mác - Lênin vào nghiên cứu các lĩnh vực khoa học xã hội – nhân văn chuyên ngành;

+ Làm chủ kiến thức thực tế và lý thuyết chuyên sâu của nghề nghiệp và hệ thống hoá được các lý thuyết và mô hình trong can thiệp các vấn đề xã hội; đánh giá được những phát hiện trong thực hành chuyên nghiệp và hiệu quả với các vấn đề của cá nhân, nhóm, cộng đồng.

- *Kỹ năng:*

+ Có kỹ năng phân tích, tổng hợp để ứng dụng vào thực hiện thiết kế, tổ chức đánh giá và giải quyết các vấn đề CTXH thuộc lĩnh vực cụ thể;

+ Có kỹ năng nghiên cứu như sử dụng thành thạo các công cụ thu thập thông tin, xử lý và phân tích dữ liệu để đưa ra các kết luận có giá trị trong giải quyết vấn đề nghiên cứu, thực hành trong lĩnh vực CTXH; viết, trình bày, thảo luận được về các vấn đề nghiên cứu một cách rõ ràng, chính xác và đạt chuẩn ngoại ngữ ở bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam;

+ Có trình độ cao về phối hợp các kỹ năng thực hành trong nhiều lĩnh vực khác nhau của CTXH, có khả năng làm việc trong các bối cảnh, văn hóa thực hành đa dạng, và biết phối hợp với nhiều tổ chức, thiết chế xã hội là nguồn lực quan trọng của thực hành CTXH.

- *Mức tự chủ và trách nhiệm:* Có khả năng thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác trong hoạt động nghề nghiệp; tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, ý thức phục vụ cộng đồng, và có khả năng đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1 Hình thức tuyển sinh: xét tuyển theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN)

3.2 Đối tượng dự tuyển

3.2.1. Yêu cầu về văn bằng

Đã tốt nghiệp đại học hạng khá trở lên (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp. Trường hợp thí sinh cần học bổ sung kiến thức cần hoàn thành trước khi đăng kí dự tuyển.

Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3.2.2. Yêu cầu về ngoại ngữ

- Có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu của chương trình đào tạo từ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do ĐHQGHN cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

+ Chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự thi thạc sĩ được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQGHN chấp nhận.

- Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của chương trình đào tạo (nếu có).

3.2.3. Yêu cầu khác

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành luật từ mức cảnh cáo trở lên, không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

- Có đủ sức khoẻ để học tập.

- Đáp ứng các điều kiện khác (nếu có) theo yêu cầu của ĐHQGHN, theo từng năm xét tuyển.

- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

3.3. Danh mục ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức

3.3.1. Danh mục ngành phù hợp:

- Ngành phù hợp 1: gồm các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Công tác xã hội.

- Ngành phù hợp 2:

+ Các ngành trong nhóm ngành Xã hội học và Nhân học, Tâm lý học, Quản trị- Quản lý, Báo chí – Truyền thông, Khoa học Giáo dục;

+ Các ngành: Triết học, Tôn giáo học, Lịch sử, Văn hóa học, Gia đình học, Chính trị học, Đông Phương học, Giáo dục đặc biệt, Giới và Phát triển, Quản lý dự án, Luật, Văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam Y tế công cộng, Điều dưỡng, Y học dự phòng.

- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập Hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành; báo cáo ĐHQGHN trước khi tuyển sinh và chịu trách nhiệm về việc đánh giá chuyên môn này.

3.3.2. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

Đối với đối tượng ngành phù hợp 2

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Nhập môn Công tác xã hội và An sinh xã hội	3
2	Hành vi con người và môi trường xã hội	3
3	Công tác xã hội cá nhân	3
4	Công tác xã hội nhóm	3
5	Phát triển cộng đồng	3
Tổng		15

3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh

- Theo chỉ tiêu được ĐHQGHN cấp hàng năm (dự kiến từ 20-30 học viên/1 năm).

- Kế hoạch tuyển sinh chi tiết được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN, và đề án tuyển sinh của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn được ĐHQGHN phê duyệt (nếu có).

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Yêu cầu đối với luận văn tốt nghiệp

Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ ngành Công tác xã hội là một báo cáo khoa học, tổng hợp các kết quả nghiên cứu chính của học viên, đáp ứng các yêu cầu sau:

- + Có đóng góp về lý luận, học thuật, thể hiện năng lực nghiên cứu của học viên.
- + Phù hợp với các chuyên mục về văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam.
- + Tuân thủ quy định của cơ sở đào tạo về liêm chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ.
- + Luận văn có khối lượng từ 70 – 120 trang A4 không kể bảng biểu, phụ lục.

2. Chuẩn đầu ra về kiến thức

2.1. Kiến thức chung

PLO 1: Phân tích thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác – Lênin vào nhận thức và nghiên cứu các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn và hoạt động thực tiễn của người học.

2.2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành

PLO 2: Hệ thống hoá các lý thuyết công tác xã hội chuyên sâu để giải thích được các vấn đề xã hội trong CTXH.

PLO 3: Vận dụng và đánh giá các kiến thức về các lĩnh vực chuyên sâu trong CTXH như chính sách, phúc lợi xã hội, các dịch vụ CTXH trong các lĩnh vực cụ thể như y tế, chăm sóc sức khỏe, trường học, gia đình, người cao tuổi và người khuyết tật... vào hoạt động nghề nghiệp.

PLO 4: Xác định được các phương pháp nghiên cứu và can thiệp của CTXH

trong thiết kế, tổ chức, thực hiện và đánh giá nghiên cứu công tác xã hội một cách độc lập.

2.3. Nghiên cứu khoa học

PLO 5: Vận dụng các phương pháp nghiên cứu, phân tích dữ liệu và có khả năng thiết kế và thực hiện nghiên cứu một cách độc lập.

PLO 6: Vận dụng được các phần mềm xử lý dữ liệu để phân tích dữ liệu, đưa ra các nhận định, suy luận về các vấn đề xã hội.

PLO 7: Phân tích, đánh giá, bình luận được các nghiên cứu có liên quan tới một vấn đề nghiên cứu cụ thể.

PLO 8: Thiết kế, thực hiện và tổng hợp, viết báo cáo và thuyết trình được kết quả nghiên cứu về một vấn đề xã hội cụ thể.

3. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

PLO 9: Thiết lập các kỹ năng trong xây dựng kế hoạch, thiết kế các mô hình can thiệp và tổ chức thực hiện can thiệp với cá nhân, nhóm và cộng đồng trong việc tự giải quyết và phòng ngừa các vấn đề xã hội.

PLO 10: Xây dựng được kỹ năng thích ứng, giải quyết những tình huống khẩn cấp trong hoạt động nghề nghiệp.

PLO 11: Thực hiện các kỹ năng tư vấn, phản biện các dịch vụ xã hội và chính sách xã hội.

PLO 12: Thực hiện được kỹ năng tổng hợp, phân tích thông tin, đánh giá dữ liệu từ các nguồn tài liệu khác nhau để phân tích kết quả, đề xuất giải pháp và khuyến nghị cho vấn đề nghiên cứu.

PLO 13: Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4 (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của ĐHQGHN.

4. Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm

PLO 14: Có khả năng làm việc độc lập, đưa ra các sáng kiến quan trọng, đưa ra quyết định trong việc lựa chọn các phương pháp nghiên cứu và can thiệp nghề nghiệp.

PLO 15: Có khả năng thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác, có khả năng quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

PLO 16: Có trách nhiệm đối với kết quả nghiên cứu của mình và đảm bảo độ tin

cây của các kết quả đó.

PLO 17: Tuân thủ tốt các giá trị và đạo đức nghề công tác xã hội trong nghiên cứu và thực hành công tác xã hội.

5. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Thạc sĩ CTXH được đào tạo để có thể giải quyết các vấn đề xã hội phức tạp và đa dạng. Các vị trí việc làm mà thạc sĩ CTXH có thể đảm nhận được bao gồm:

- Nhân viên công tác xã hội trong các cơ quan, tổ chức xã hội; Chuyên viên tư vấn, quản lý trong các cơ quan quản lý nhà nước; các trung tâm bảo trợ xã hội; các đơn vị cung cấp dịch vụ xã hội; Chuyên gia tư vấn trong các tổ chức phi chính phủ với các lĩnh vực hoạt động xã hội khác nhau;

- Nhà nghiên cứu tại các trung tâm nghiên cứu, các tổ chức phi chính phủ;

- Cán bộ giảng dạy, nghiên cứu trong hệ thống các trường đại học, cao đẳng và các trường trung học chuyên nghiệp, dạy nghề;

- Ngoài ra, thạc sĩ CTXH có đủ kiến thức và kỹ năng để đảm nhận nhiều vị trí khác nhau trong các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp hay các tổ chức xã hội.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp thạc sĩ công tác xã hội, người học có đủ năng lực để tiếp tục học tập, nghiên cứu đạt được bằng tiến sĩ công tác xã hội, tham gia các khóa đào tạo liên quan đến công tác xã hội để nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn, tham gia các hoạt động nghiên cứu, viết và xuất bản bài báo khoa học. Thạc sĩ công tác xã hội có nhiều cơ hội để phát triển sự nghiệp thông qua hoạt động học tập, nghiên cứu và tham gia các hoạt động xã hội khác.

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: **63** tín chỉ, trong đó:

- Khối kiến thức chung: **9** tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành: **27** tín chỉ
 - + Bắt buộc: **18** tín chỉ
 - + Tự chọn: **9** tín chỉ/39 tín chỉ
- Nghiên cứu khoa học: **27** tín chỉ
 - + Chuyên đề nghiên cứu **13** tín chỉ
 - + Luận văn thạc sĩ **13** tín chỉ

2. Khung chương trình

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Khôi kiến thức chung		9				
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	55	10	135	
2	Ngoại ngữ B2* (Chọn một trong các ngoại ngữ sau)		5	250	0	0	
	ENG5001	Tiếng Anh B2 <i>English B2</i>	5	250	0	0	
	RUS5001	Tiếng Nga B2 <i>Russian B2</i>	5	250	0	0	
	CHI5001	Tiếng Trung Quốc B2 <i>Chinese B2</i>	5	250	0	0	
	FRE5001	Tiếng Pháp B2 <i>French B2</i>	5	250	0	0	
	WES5001	Tiếng Đức B2 <i>German B2</i>	5	250	0	0	
	OLC5001	Tiếng Nhật B2 <i>Japanese B2</i>	5	250	0	0	
	KOR5001	Tiếng Hàn Quốc B2 <i>Korean B2</i>	5	250	0	0	
	THA5001	Tiếng Thái Lan B2 <i>Thailand B2</i>	5	250	0	0	
II	Khôi kiến thức cơ sở và chuyên ngành		27				
II.1	Các học phần bắt buộc		18				
3	SOC6135	Hành vi con người và Môi trường xã hội II <i>Human Behavior and the Social Environment II</i>	3	40	10	100	
4	SOC6334	Phương pháp nghiên cứu Công tác xã hội nâng cao <i>Advanced Research Methods in Social Work</i>	3	40	10	100	
5	SOC6025	Một số lý thuyết về Công tác xã hội <i>Social Work Theories</i>	2	25	10	65	

* Số tín chỉ của học phần ngoại ngữ B2 được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo nhưng không tính vào điểm trung bình chung tích lũy

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
6	SOC6031	Mô hình Công tác xã hội với cá nhân <i>Social Work Models with Individuals</i>	2	25	10	65	SOC6135
7	SOC6032	Mô hình Công tác xã hội với nhóm <i>Social Work Models with Groups</i>	2	25	10	65	
8	SOC6033	Tổ chức và Phát triển cộng đồng <i>Community Organization and Development</i>	2	25	10	65	
9	SOC6034	Quản trị Công tác xã hội: chính sách và hoạch định <i>Social work Administration: Policy and Planning</i>	2	25	10	65	
10	SOC6061	Thực hành Công tác xã hội tại cơ sở <i>Field practicum</i>	2	4	52	44	SOC6031 SOC6032 SOC6033
II.2	Các học phần tự chọn		9/39				
11	SOC6341	Tham vấn và trị liệu tâm lý trong Công tác xã hội <i>Counseling and psychotherapy in Social work</i>	3	40	10	100	
12	SOC6336	Người khuyết tật: Chính sách và thực hành <i>People with disabilities: Policy and Practice</i>	3	40	10	100	
13	SOC6337	Dịch vụ Công tác xã hội trong trường học <i>Social Work Services in School Settings</i>	3	40	10	100	
14	SOC6270	Công tác xã hội với người cao tuổi: chính sách và thực hành <i>Social work with the elderly: Policy and Practice</i>	3	40	10	100	
15	SOC6236	Công tác xã hội trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe tâm thần <i>Social work in Mental Health</i>	3	40	10	100	SOC6341

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
16	SOC6339	Công tác xã hội với trẻ em và gia đình <i>Social work with Children and Families</i>	3	40	10	100	
17	SOC6123	Chính sách xã hội và những vấn đề xã hội <i>Social Problems and Social Policy</i>	3	40	10	100	
18	SOC6343	Phát triển và đánh giá dịch vụ công tác xã hội <i>Social work Service Development and Evaluation</i>	3	40	10	100	
19	SOC6344	Lí luận về thực hành Công tác xã hội <i>Theory for Practice in Social Work</i>	3	40	10	100	
20	SOC6137	Công tác xã hội trong lĩnh vực y tế <i>Social Work in Health Settings</i>	3	40	10	100	
21	SOC6138	Phúc lợi xã hội trong bối cảnh toàn cầu <i>Social welfare in global context</i>	3	40	10	100	
22	SOC6139	Nghiên cứu và đánh giá chính sách an sinh xã hội <i>Social security policy Research and Evaluation</i>	3	40	10	100	
23	SOC6140	Vốn xã hội và phát triển cộng đồng <i>Social capital and community development</i>	3	40	10	100	
III	Nghiên cứu khoa học		27				
III.1	Chuyên đề nghiên cứu		14				
24	SSH6001	Các tiếp cận và phương pháp nghiên cứu trong khoa học xã hội và nhân văn <i>The Approaches and Research methods of Social Sciences and Humanities</i>	4	30	15	155	
25	SSH6002	Các trường phái trong khoa học xã hội và nhân văn <i>The Schools in Social Sciences and Humanities</i>	4	30	15	155	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
26	SOC6332	Phân tích dữ liệu <i>Data analysis</i>	3	40	10	100	
27	SOC6333	Tổng quan tài liệu về vấn đề nghiên cứu <i>Literature Review Guidelines</i>	3	40	10	100	
III.2	Luận văn thạc sĩ		13				
28	SOC7205	Luận văn thạc sĩ <i>Master Thesis</i>	13	0	0	650	
Tổng cộng			63				

Lưu ý: Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lí thuyết

(2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá